

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 186/2024/HS-PT
Ngày: 08- 5-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Hồng Luyến

Ông Nguyễn Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Lê Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo Trịnh Quốc K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HSST ngày 26-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Trịnh Quốc K, sinh năm 2001 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quốc K1, sinh năm 1977 và bà Cao Thị Thanh T, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 26/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam B Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Công ty Cổ phần G

Địa chỉ: Khu Công nghiệp G, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Vệ Q - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Đào Thị H1, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ H, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Chị Lê Nguyễn Anh K2, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Bùi Văn V và Nguyễn Văn H3 là nhân viên lái xe nâng, bị cáo Trịnh Quốc K là nhân viên bảo vệ của Công ty Cổ phần G1 (gọi tắt là Công ty G1), có trụ sở tại khu công nghiệp G thuộc xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, còn bị cáo Phan Minh H4 và Nguyễn Cao P là tài xế thường xuyên đến Công ty G1 để chở gạch men thuê cho khách hàng. Đến tháng 6/2023 bị cáo K xin nghỉ việc tại Công ty G1. Do cần tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ ngày 28/8/2023 đến ngày 16/9/2023, các bị cáo H4, V và K đã 03 lần, bị cáo P 02 lần và bị cáo H3 01 lần thực hiện hành vi trộm cắp các kiện gạch men của Công ty G1 đem bán chia nhau tiêu xài. Trong đó bị cáo V là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo H4, K và H3, bị cáo H4 là người rủ rê bị cáo P cùng thực hiện hành vi trộm cắp các kiện gạch men của Công ty G1. Bị cáo V phân công cho bị cáo K nhiệm vụ đến nói chuyện với các nhân viên bảo vệ ca trực tại khu vực cổng số 3 của Công ty G1 mục đích để đánh lạc hướng các nhân viên bảo vệ không chú ý đến xe ra vào cổng để bị cáo V lợi dụng sơ hở lái xe nâng chở kiện gạch men ra khỏi cổng Công ty. Bị cáo H4 là người gọi bị cáo P và người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe ô tô tải chờ trước cổng Công ty C trộm cắp đến địa điểm theo yêu cầu của bị cáo H4 và bị cáo H4 trực tiếp liên hệ với người mua để bán nguồn hàng đã trộm cắp được. Cụ thể như sau:

- Lần 01: Vào khoảng 18 giờ ngày 28/8/2023, bị cáo Bùi Văn V sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen gọi cho bị cáo Phan Minh H4 thông báo Vang có thể lấy trộm được các kiện gạch men, kêu H4 chuẩn bị xe ô tô tải đồng thời V gọi điện cho bị cáo Trịnh Quốc K đến. Sau đó bị cáo H4 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen gọi zalo cho một người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) là tài xế lái xe ô tô tải (không rõ biển số) đến Công ty G1 chở hàng thuê cho bị cáo H4. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo H4 gọi điện thông báo cho bị cáo V biết Đ điều khiển xe ô tô tải đang đứng chờ phía trước cổng số 3 Công ty G1. Khi thấy bị cáo K đến chốt bảo vệ khu vực cổng số 3 và nói chuyện đánh lạc hướng 02 nhân viên bảo vệ ca trực là Kha Văn H5 và Nguyễn Chí T1 thì bị cáo V đến bãi tập kết hàng gần cổng số 3 rồi điều khiển xe nâng 02 lần vận chuyển 02 kiện gạch men mã Tocera PZ5765-AA thành phẩm (một kiện gạch có 96 thùng, một thùng có 04 viên, kích thước 500mmx500mm) ra cổng đưa lên thùng xe ô tô tải của Đ. Sau đó, Đ chở số gạch

trên đến để tại 01 bãi đất trống (không rõ địa chỉ cụ thể) trên Quốc lộ H thuộc địa giới hành chính của tỉnh An Giang theo yêu cầu của H4. H4 trả cho Đ 2.000.000 đồng tiền công. Tiếp đó, bị cáo H4 liên hệ qua zalo với 01 người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch nói cần bán gạch thanh lý thì người này đồng ý mua. Sau khi bán số gạch trên được 12.000.000 đồng, bị cáo H4 trừ 500.000 đồng tiền công bốc xếp gạch, 2.000.000 đồng tiền thuê xe trả cho Đ và 1.500.000 đồng là tiền bị cáo H4 được hưởng thì ngày 31/8/2022 bị cáo H4 chuyển vào tài khoản ngân hàng của bị cáo V số tiền 8.000.000 đồng, bị cáo V chia lại cho bị cáo K 1.000.000 đồng.

Lần 02: Lúc 13 giờ ngày 11/9/2023, bị cáo V gọi điện nói bị cáo H4 chuẩn bị xe ô tô thì bị cáo H4 gọi điện cho bị cáo P nói P đến Công ty G1 để chở gạch men do bị cáo V trộm cắp thì bị cáo P đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, biết bị cáo P điều khiển xe ô tô tải biển số 62H-030.10 đang đỗ ở khu vực phía trước cổng số 3 Công ty G1, tương tự bị cáo K đến nói chuyện đánh lạc hướng nhân viên bảo vệ ca trực là Kha Văn H5 và Nguyễn Chí T1 thì bị cáo V điều khiển xe nâng 04 lần vận chuyển 04 kiện gạch men gồm 02 kiện gạch mã T4 PZ57970-AA và 02 kiện gạch mã T4 (một kiện gạch có 96 thùng, một thùng có 04 viên, kích thước 500mmx500mm) ra cổng đưa lên xe ô tô tải của bị cáo P. Sau đó, bị cáo P chở số hàng trộm cắp được đến bãi đất trống gần bờ sông dưới chân cầu C thuộc tỉnh Đồng Tháp rồi bị cáo H4 tiếp tục bán số gạch trộm cắp được cho người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch đã mua gạch của bị cáo H4 vào ngày 28/8/2023 được tổng số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo H4 trả tiền công bốc xếp là 1.000.000 đồng. Đến ngày 15/9/2023, bị cáo H4 chuyển khoản ngân hàng cho bị cáo P số tiền 7.000.000 đồng rồi gọi điện thông báo cho bị cáo V. Do đang thiếu nợ nên bị cáo V nói bị cáo H4 chuyển hết số tiền còn lại là 12.000.000 đồng cho bị cáo V, số tiền bị cáo H4 được hưởng sẽ tính sau và bị cáo V mượn thêm của bị cáo H4 số tiền 28.000.000 đồng thì bị cáo H4 đồng ý và chuyển khoản ngân hàng cho bị cáo V tổng số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền trên từ bị cáo H4, bị cáo V chia cho bị cáo K số tiền 1.000.000 đồng.

- Lần 03: Lúc 11 giờ 16/9/2023, bị cáo P sử dụng điện thoại di động Iphone 11 màu tím gọi điện cho bị cáo V hỏi có hàng trộm cắp không thì bị cáo V nói chưa biết. Sau đó bị cáo P gọi cho bị cáo H4 nói bị cáo H4 trao đổi với bị cáo V thì bị cáo H4 gọi lại cho bị cáo P gọi P 18 giờ đến khu vực cổng số 3 chờ lấy hàng. Sau khi bị cáo P gọi điện cho bị cáo V nói đang chờ ở phía trước cổng công ty thì bị cáo V gọi điện cho bị cáo K đến tiếp tục nói chuyện đánh lạc hướng nhân viên bảo vệ ca trực Kha Văn H5 và Nguyễn Chí T1 để đánh lạc hướng. Do không còn kiện gạch mã Tocera PZ57972-AA kích thước 500mmx500mm nên bị cáo V gọi điện cho bị cáo H3, lúc này bị cáo H3 đang làm việc tại bãi tập kết của cổng số 2, bị cáo V kêu bị cáo H3 điều khiển xe nâng

chở 02 kiện gạch 500mmx500mm T4 (một kiện gạch có 96 thùng, một thùng có 04 viên, kích thước 500mmx500mm) trong kho đưa ra bãi tập kết ở khu vực cổng số 03 và hứa cho bị cáo H3 tiền tiêu xài, bị cáo H3 đồng ý vận chuyển chở 02 kiện gạch trên ra ngoài Cổng số 3 thông báo cho bị cáo V biết rồi quay lại làm việc. Tại bãi tập kết của cổng số 03 đã có sẵn 02 kiện gạch men 500mmx500mm Tocera PZ5765-AA. Bị cáo V điều khiển xe nâng chở 04 lần 04 kiện gạch nêu trên lên xe ô tô tải do bị cáo P chở sẵn. Sau đó bị cáo V tiếp tục điều khiển xe nâng đến lối đi giữa kho và bãi tập kết hàng lấy 02 kiện gạch men mã Toroma T6168 kích thước 600mmx600mm (mỗi kiện gạch có 40 thùng, mỗi thùng có 04 viên gạch) vận chuyển đưa lên xe ô tô cho P. Sau khi đã lấy xong 06 kiện gạch men, bị cáo V gọi điện cho bị cáo K đi về rồi thông báo cho bị cáo H3 biết đã lấy trộm được 06 kiện gạch, trong đó có 02 kiện gạch do bị cáo H3 lấy và nói sẽ cho bị cáo H3 hưởng lợi khi bán được 06 kiện gạch trên thì bị cáo H3 đồng ý. Sau khi bị cáo P gọi điện cho bị cáo H4 thì bị cáo H4 kêu bị cáo P chở hàng trộm cắp đến giao cho bà Đào Thị H1 - chủ cửa hàng gạch men H.T có địa chỉ tại ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo H4 bán 06 kiện gạch nêu trên với giá 58.000 đồng/01m² được tổng số tiền 28.942.000 đồng, trừ 242.000 đồng tiền công bốc xếp thì còn lại số tiền 28.700.000 đồng. Bị cáo H4 chuyển khoản cho bị cáo P số tiền 4.000.000 đồng, trừ tiền công của bị cáo H4 2.800.000 đồng, còn lại 21.900.000 đồng bị cáo H4 chuyển khoản cho bị cáo V. Bị cáo V cho bị cáo K 1.000.000 đồng, cho bị cáo H3 3.800.000 đồng, còn lại 16.200.000 đồng bị cáo V sử dụng tiêu xài hết. Ngày 18/9/2023, chị H1 bán cho anh Nguyễn Văn K3- chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Tiến Đ1 có địa chỉ tại xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau với 226m² gạch mã Tocera kích thước 500mmx500mm và 115 m² gạch mã Toroma kích thước 600mmx600mm giá 79.000.000 đồng/01m² được tổng số tiền 26.939.000 đồng và ngày 26/9/2023 bán cho chị Lê Yến N 153m² gạch mã Tocera kích thước 500x500 được số tiền 11.475.000 đồng, số gạch còn lại thì đã bị vỡ không thu hồi được. Đối với Lê Văn K4 và Lê Yến N sau khi mua gạch của Đào Thị H1 đã bán lại cho những người không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu hồi được và không xác định được số tiền mà K4 và N đã được hưởng lợi từ việc bán gạch nêu trên.

Đến ngày 26/9/2023, Công ty G1 có đơn trình báo đến Đoàn Công an Khu công nghiệp G về việc mất trộm cắp các kiện gạch men mang thương hiệu T2 và T3. Đến 10 giờ ngày cùng ngày, bị cáo V và bị cáo H3 đến Đoàn Công an Khu công nghiệp G để đầu thú, còn bị cáo P và bị cáo K bị bắt giữ khẩn cấp vào ngày 26/9/2023. Ngày 13/11/2023 bị cáo Phan Minh H4 đến Công an huyện L để đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá số 353 ngày 04/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận:

- Tài sản bị chiếm đoạt ngày 11/9/2023: 192 m² gạch men lát nền trong nhà thương hiệu Tocera, mã số PZ57970 - AA, bề mặt men mờ, quy cách sản phẩm 500mm x 500mm trị giá 14.208.000 đồng.

- Tài sản bị chiếm đoạt ngày 16/9/2023: 192 m² gạch men lát nền ngoài trời thương hiệu Tocera, mã số PZ57972 - AA, men mờ + sugar, quy cách sản phẩm 500mm X 500mm; 192 m² gạch men lát nền trong nhà thương hiệu Tocera, mã số PZ5765 - AA, bề mặt men mờ, quy cách sản phẩm 500mm x 500mm và 80 m² gạch men lát nền trong nhà thương hiệu Toroma, mã số PZ6168 - AA, bề mặt bóng, quy cách sản phẩm 600mm x 600mm trị giá 36.160.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá số 3763 ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận:

- Tài sản bị chiếm đoạt ngày 28/8/2023: 192 m² gạch men lát nền trong nhà thương hiệu Tocera, mã số PZ5765 - AA, bề mặt men mờ, quy cách sản phẩm 500mm x 500mm trị giá 12.672.000 đồng.

- Tài sản bị chiếm đoạt ngày 11/9/2023: 192 m² gạch men lát nền trong nhà thương hiệu Tocera, mã số PZ57970 - AA, bề mặt men mờ, quy cách sản phẩm 500mm x 500mm trị giá 12.672.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Công ty G1 bị chiếm đoạt là: **75.712.000 đồng**.

Việc thu giữ, tạm giữ, tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- 06 kiện gạch men mã T4, 02 kiện gạch mã T4 PZ57970-AA, 02 kiện gạch mã Tocera PZ57972-AA đều có kích thước 500mmx500mm (một kiện gạch có 96 thùng, một thùng có 04 viên) và 02 kiện gạch men mã Toroma T6168 kích thước 600mmx600mm (một kiện gạch có 40 thùng, một thùng có 04 viên) không thu hồi được.

- 01 đĩa CD ghi lại hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn V và Trịnh Quốc K chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 9.714.000 đồng do Đào Thị H1 thu lợi từ việc bán 379m² gạch men mã Tocera kích thước 500mmx500mm và 115 m² gạch mã Toroma kích thước 600mmx600mm đề nghị chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo quy định.

- Số tiền 20.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Cao P và số tiền 13.800.000 đồng do bị cáo Nguyễn Văn H3 giao nộp để bồi thường thiệt hại cho Công ty G1. Tuy nhiên đại diện theo uỷ quyền của Công ty G1 không đồng ý nhận số tiền trên mà yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại tại phiên toà nên chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành để đảm bảo thi hành án.

- 01 xe ô tô tải biển số 62H-03010, hiệu HINO do chị Lê Thị H2 đứng tên chủ sở hữu. Chị H2 giao xe ô tô trên cho bị cáo P để chở hàng hoá thuê cho

khách, không biết bị cáo P sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho chị H2.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen tạm giữ của bị cáo Bùi Văn V, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu tím tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn H3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen tạm giữ của bị cáo Trịnh Quốc K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen tạm giữ của bị cáo Phan Minh H4 liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu tím tạm giữ của bị cáo Nguyễn Cao P. Quá trình điều tra xác minh xác định điện thoại trên do chị Lê Nguyễn Kiều A là chủ sở hữu.

Tại Bản án số hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HSST ngày 26-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã tuyên bố bị cáo: Bùi Văn V, Phan Minh H4, Trịnh Quốc K, Nguyễn Cao P, Nguyễn Văn H3 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 04 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2023; Phan Minh H4 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2023; Trịnh Quốc K 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2023.

- Căn cứ vào c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 65, 47, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao P 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm, thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/02/2024, bị cáo Trịnh Quốc K kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trịnh Quốc K về tội trộm cắp tài sản theo quy định a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm bị

cáo không cung cấp tình tiết mới đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Trịnh Quốc K trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trịnh Quốc K nhận thấy:

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Quốc K khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã 03 lần thực hiện trộm cắp tài sản của Công ty G1, tổng giá trị tài sản mà bị cáo và đồng phạm chiếm đoạt số tiền là 75.712.000 đồng. Trong vụ án, bị cáo K là người được V phân công nhiệm vụ đến nói chuyện với các nhân viên bảo vệ ca trực tại khu vực cổng số 3 của Công ty G1 để đánh lạc hướng các nhân viên bảo vệ không chú ý khi xe ra vào cổng để Vang lợi dụng sơ hở lái xe nâng chở kiện gạch men ra khỏi cổng Công ty nhằm chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, để xử phạt bị cáo Trịnh Quốc K 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định, không nặng như kháng cáo của bị cáo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Quốc K.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 24/2024/HSST ngày 26-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo: Trịnh Quốc K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Quốc K 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2023.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm số tiền là 200.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Long Thành (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- CQCSĐT Công an huyện Long Thành;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- Trại tạm giam B5;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan đến vụ án;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN `TÒA**

Đỗ Thị Nhung

